

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN
THÔNG

Số: 54/2003/QĐ-BBCVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành cước thuê kênh viễn thông quốc tế

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 99/1998/QĐ-TTg ngày 26/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá và cước bưu chính, viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 03/1999/TT-TCBĐ ngày 11/5/1999 của Tổng cục Bưu điện hướng dẫn thi hành Nghị định số 109-CP ngày 12/11/1997 của Chính phủ về Bưu chính và Viễn thông và Quyết định số 99/1998/QĐ-TTg ngày 26/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá và cước bưu chính, viễn thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bảng cước dịch vụ thuê kênh viễn thông quốc tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2003, thay thế Quyết định số 26/2002/QĐ-BBCVT ngày 18/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông về việc ban hành bảng cước dịch vụ thuê kênh viễn thông quốc tế.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thuê kênh viễn thông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Đặng Đình Lâm

(Đã ký)

BẢNG CƯỚC DỊCH VỤ THUÊ KÊNH VIỄN THÔNG QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2003/QĐ-BBCVT ngày 20/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông)

1. Cước thuê theo tháng (đầu phía Việt Nam - half circuit):

1.1. Cước thuê kênh qua cáp biển:

Đơn vị tính: USD/tháng

Loại kênh	Vùng liên lạc 1		Vùng liên lạc 2	
	Cước trần	Cước sàn	Cước trần	Cước sàn
a) Kênh điện thoại				
M 1040 thoại	1.915	1.341	2.151	1.613
M 1040 thoại/số liệu	2.250	1.575	2.527	1.895
M 1020 thoại/số liệu	2.298	1.608	2.579	1.935
b) Kênh điện báo				
- 50 baud				
+ Đơn công	479	335	538	404
+ Song công	717	502	806	605
- 100 baud				
+ Đơn công	574	402	645	484
+ Song công	862	604	968	726
- 200 baud				
+ Đơn công	767	537	860	645
+ Song công	1.149	805	1.292	969
c) Kênh ở các tốc độ:				
- 300 b/s	767	537	860	645
- 1200 b/s	959	671	1.076	807
- 2400 b/s	1.246	872	1.398	1.048